

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-5-2019

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Phan Thị Cẩm.

2. Bà Nguyễn Thị Diên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông T kết hôn năm 2013, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc; mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể chung sống với nhau được nữa

nên bà L xin ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Minh T để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L cũng như tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông T. Về con chung: Không có con chung nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

Nguyên đơn bà L chỉ yêu cầu ly hôn với bị đơn ông T. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều

28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2013, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và ông bà đã sống ly thân từ năm 2017. Nay bà L cương quyết yêu cầu ly hôn nhưng ông T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có văn bản thể hiện ý kiến gì để Tòa án xem xét, cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà L trình bày vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn bà Võ Thị L chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a

khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1 - Về hôn nhân:** Bà Võ Thị L được ly hôn với ông Lê Minh T.
- 2 - Về con chung:** Vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- 3 - Về tài sản chung và nợ chung:** Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Võ Thị L chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002266 ngày 11/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5 - Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2019); bị đơn ông Lê Minh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**